

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47 /2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 06/ 8/ 2020

V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Đăng Bảy

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Hện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Hện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Lệ Q; sinh năm: 1974 (có mặt)

- *Bị đơn:* anh Đào Minh T; sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu Đức Thọ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh Đào Minh T tự nguyện chung sống năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh P. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị Q cảm thấy vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt, hạnh phúc không có; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: 01 con chung là cháu Đào Gia H, sinh ngày 26/9/2006. Nguyên vọng của chị Q yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi cháu thành niên; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn anh Đào Minh T: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh Đào Minh T tự nguyện chung sống năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh P; phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn đã được chị Q giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Lệ Q và anh Đào Minh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Hội đồng xét xử xét thấy qua nội dung lời khai người làm chứng trình bày và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; xác định được giữa chị Q và anh T có xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay; nguyên nhân do lối sống, quan điểm sống không hợp từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị Q và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Đào Gia H, sinh ngày 26/9/2006. Nguyên vọng của chị Q sau ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; hiện nay cháu H đang chung sống với chị Q. Hội đồng xét xử thấy lời khai của cháu H có nguyên vọng được chung sống với mẹ; để cháu H tiếp tục ổn định cuộc sống sinh hoạt và học tập cần giao cháu H cho chị Q nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Q phải chịu theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Lệ Q được ly hôn với anh Đào Minh T.

[2]. Về con chung: giao cháu Đào Gia H sinh ngày 26/9/2006 cho chị Nguyễn Thị Lệ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

[3]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Q phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010220 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Hện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh